

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

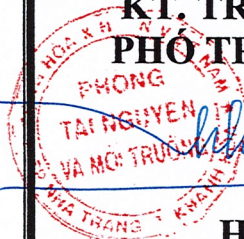
**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI
TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG – (ĐỢT 24 – 04 TRƯỜNG HỢP/ 04 THỬA)**

(Kèm Quyết định số: **2801**/QĐ-UBND ngày **30** tháng **9** năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt: 1.365.950.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
Phòng Tài nguyên và Môi trường
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Hồ Thị Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thanh Liêm

BẢNG TỔNG HỢP
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BDTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m²)			SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng (đồng)
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
** Hạng mục: Nhà Máy Xử Lý Nước Thải phía Bắc															
1	Ông Nguyễn Bình Tuyển Bà Nguyễn Thị Chiên	29/2 Vĩnh Xương, Tây Bắc 1 P. Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang	Thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp Nha Trang.	22	37-2021	100,60	100,60			75.291.894	0	68.418.894	6.873.000	0	10.529.189
2	Ông Phạm Xuân Khánh Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổ 17, thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp. Nha Trang	Thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp Nha Trang.	25	37-2021	104,70	104,70			414.169.035	0	414.169.035	0	0	11.000.000
3	Bà Lê Thị Kim Hồng	Tổ 38 Trường Phúc P.Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang	Thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp Nha Trang.	24	37-2021	114,80	114,80			356.500.721	0	356.500.721	0	0	11.000.000
4	Ông Lê Thành Quý Bà Lê Thị Hiền	Thôn Ngọc Hội, xã Vĩnh Ngọc, Tp. Nha Trang	Thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp Nha Trang.	23	37-2021	170,90	170,90			450.528.964	0	450.528.964	0	0	11.000.000
	Tổng					491,00	491,00	0,00	0,00	1.296.490.614	0	1.289.617.614	6.873.000	0	43.529.189

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.296.490.614 đồng
 Kinh phí tổ chức thực hiện (2%): 25.929.812 đồng
 Kinh phí khen thưởng: 43.529.189 đồng
 Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ: 1.365.950.000 đồng
 (Bằng chữ: Một tỷ, Ba trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Khánh Hòa, ngày tháng 9 năm 2022

Người lập

Người soát

Phụ trách phòng



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tuấn

Phạm Thị Kiều Mỹ

Lê Thị Thu Nguyệt

Hà Văn Hùng

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
01	Ông Nguyễn Bình Tuyển Bà Nguyễn Thị Chiên - Địa chỉ thường trú: 29/2 Vĩnh Xương, Tây Bắc 1 P. Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang - Địa chỉ thửa đất giải tỏa: Thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp Nha Trang. - Địa chỉ tạm trú Tổ 17, Thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp Nha Trang.	** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 714/XN-UBND ngày 26/6/2018, số 2131/XN-UBND ngày 13/10/2021 và số 1317/XN-UBND ngày 02/8/2022 của UBND xã Vĩnh Ngọc xác nhận: <i>Thửa số 22 mảnh trích đo địa chính số 37 - 2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 29/3/2021, đối chiếu tương ứng thửa số 47, tờ BĐĐC 12 (Bản đồ Vlap 2015), xã Vĩnh Ngọc và thửa 227 (01 phần), tờ bản đồ 06 (Bản đồ 64 năm 1994), xã Vĩnh Ngọc.</i> - Nguồn gốc: Theo hồ sơ địa chính do UBND xã Vĩnh Ngọc quản lý: thuộc 01 thửa 227 tờ bản đồ số 6 (bản đồ 64) xã Vĩnh Ngọc thuộc quỹ đất 5% do xã Vĩnh Ngọc quản lý. Năm 2003, ông Lê Mười và bà Nguyễn Thị Bút lần chiếm đất 5%, do UBND xã Vĩnh Ngọc quản lý (theo Sổ địa chính ngày 11/6/2001, có xác nhận của Sở địa chính. hộ gia đình ông Lê Mười sinh năm 1924 và bà Nguyễn Thị Bút được cấp đất nông nghiệp đầy đủ theo nhân khẩu trong hộ gia đình, tổng cộng 08 thửa gồm thửa 577, 578, 678, 680, 681, 682, 721, 823 TBĐ 06, với diện tích 7.735m² Cùng năm 2003, ông Lê Mười và bà Lê Thị Bút tự lập di chúc cho con là bà Lê Thị Hiền (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Đến năm 2007 hộ bà Hiền chuyển nhượng 01 phần đất cho ông Nguyễn Bình Tuyển và bà Nguyễn Thị Chiên quản lý, sử dụng xây dựng nhà ở ăn ở ổn định từ năm 2008 đến nay, với diện tích 108m² (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Đất hộ ông Nguyễn Bình Tuyển và bà Nguyễn Thị Chiên đang quản lý và sử dụng thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Vĩnh Ngọc quản lý (thuộc 01 phần thửa 227 tờ bản đồ số 6 bản đồ 64 xã Vĩnh Ngọc) . - Loại đất: Đất công ích (hiện trạng trên đất có nhà ở). - Thời điểm sử dụng đất: Năm 2007 - Thời điểm xây dựng nhà: Năm 2008 - Mốc thời điểm quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt: ngày 25/3/2009 (Theo văn bản số 3732/UBND ngày 15/5/2019 của UBND Tp Nha Trang). - Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa và không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã. - Tổng diện tích đất đang sử dụng: 100,6m² * Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. * Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại tại thửa đất giải tỏa.	I/ Về đất: - Tổng diện tích (Thửa 22) + DT đất giải tỏa: + DT đất còn lại: ** Căn cứ pháp lý áp dụng: - Khoản 2, Điều 82, Luật Đất Đai năm 2013 + Khoản 1, Điều 76, Luật Đất Đai năm 2013 - Diện tích đất không bồi thường: II/ Tài sản gắn liền với đất: 1- Công trình, vật kiến trúc: + Ngày khóa sổ : Thông báo thu hồi đất số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang ** Hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ -UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100, tường sơn nước, mái tole, nền xi măng, trần nhựa, cửa sắt kéo + cửa gỗ, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, hệ thống điện nước. Diện tích xây dựng: 55,38m² + Ôp men bếp: (2,85m x 0,8m) + (0,6m x 2,85m) = 3,99m² - Cổng trụ gạch, cánh thép tấm + thép hình DT: (2,29m x 2,3m) = 5,27m² <i>Áp giá PL1, STT B13, đơn giá 3.155.839đ/m²</i> - Mái che cột kèo gỗ, mái tole, nền xi măng DT: (3,69m x 3,6m) = 13,28m² <i>(Áp giá PL1, STT B2, ĐG: 356.163đ/m², đơn giá tăng 8,5% vì nền xi măng)</i> 356.163đ/m² + (356.163đ/m² x 8,5%) = 386.437đ/m² - Chuồng trại (nuôi gà) tường xây gạch cao 1,0m, kết hợp lưới B40 cao 2,2m, nền đất, cột kèo gỗ, mái tole DT: (4,05m x 4,0m) = 16,20m² <i>(Áp giá PL1, STT C9, ĐG: 1.815.634đ/m²)</i>									
										0		
			m²	100,60								
			m²	100,60								
			m²	0,00								
			m²	100,60	Không bồi thường vì thuộc quỹ đất công ích do xã Vĩnh Ngọc quản lý							
											75.291.894	
											68.418.894	

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THANH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 108,0m² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 100,6m² - Diện tích đất chênh lệch giảm: 7,4 m² - Nguồn gốc tăng do: Do các hộ mua bán ảng chừng. * Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Sổ hộ khẩu số 330104984 do ông Nguyễn Bình Tuyền đứng tên chủ hộ được công an thành phố Nha Trang cấp ngày 14/11/2012 (thường trú tại 29/2 Vĩnh Xương, Tây Bắc 1, Vĩnh Hải, Tp Nha Trang, gồm 04 nhân khẩu) - Phiếu khai báo tạm trú số 48 do ông Nguyễn Bình Tuyền đứng tên chủ hộ được công an thành phố Nha Trang (Tổ 17, Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, Nha Trang, gồm 4 nhân khẩu) - Tờ chúc ngôn bất động sản (có xác nhận của phó thôn Xuân Ngọc) ghi ngày 09/10/2003 của ông Lê mười và bà Nguyễn Thị Bút sang nhượng cho bà Lê Thị Hiền, diện tích 1 sào ½. - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có xác nhận của cấp thẩm quyền) ghi ngày 02/04/2007 của ông Lê Thành Quý và bà Lê Thị Hiền sang nhượng cho ông Nguyễn Bình Tuyền và bà Nguyễn Thị Chiến, diện tích 108m². - Quyết định số 173/QĐ-CT-UBND ngày 24/5/2008 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Bình Tuyền. - Đơn xác nhận có nhà ở riêng (có xác nhận của UBND xã Vĩnh Ngọc) ghi ngày 10/6/2008 của ông Nguyễn Bình Tuyền. - Biên lai thuế năm 2008 tên ông Nguyễn Bình Tuyền. - Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2014 - Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 827290 ngày 09/7/2008. - Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 71352/HĐ-CTN ngày 14/8/2008 - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 08/6/2021 (Thửa đất tiếp giáp đường Hòn Nghê (đoạn từ Ngã ba đường QH1 đến Đá Chông Hòn Nghê) - tương ứng vị trí 1 - Văn bản số 454/UBND ngày 16/3/2022 của UBND phường Vĩnh Hải V/v xác minh nhà, đất tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ ông Nguyễn Bình Tuyền - Biên bản họp HĐBT ngày 28/7/2022 (STT 01) - Thông báo niêm yết: 170/TB-HĐBT ngày 05/08/2022 - Biên bản niêm yết: 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết: 28/8/2022 Đất thời: 26/08/2022	- Tường xây gạch cao 0,5m, kết hợp lưới B40 cao 2,2m, móng 04 lớp đá chẻ, dài 8,9m. + Xây tường gạch ống dày 10cm (cao <= 4m) DT: 0,5m x 8,9m = 4,45m² (Áp giá PLII, STT A9, ĐG: 138.970đ/m²) + Kết hợp lưới B40 dài 8,9m, cao 2,2m (Áp giá PLI, STT B11, ĐG: 422.705đ/md, giảm 8,5% vì không trừ hệ tổng. Đơn giá: 422.705đ/md - (422.705đ/md x 8,5%) = 386.775đ/md + Móng xây đá chẻ (4 lớp): 8,9m x 0,8m x 0,2m = 1,424m³ (Áp giá PLI, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³) - Tường xây gạch bổ trụ cao 2,0m, móng 07 lớp đá chẻ, dài 6,6m + Tường xây gạch, bổ trụ, dài 6,6m, cao 1,6m, móng 02 lớp đá chẻ (Áp giá PLI, STT B9, ĐG: 861.578đ/md) + Xây tường gạch ống dày 10cm (cao <= 4m) DT: 0,4m x 6,6m = 2,64m² (Áp giá PLII, STT A9, ĐG: 138.970đ/m²) + Móng xây đá chẻ (5 lớp): 6,60m x 1,0m x 0,2m = 1,320m³ (Áp giá PLI, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³) 2 - Tài sản khác: Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Đồng hồ điện: T/h 1 1.062.000 100% 1.062.000 - Đồng hồ nước: T/h 1 Không bồi thường vì được lắp đặt tại nơi ở mới 3 - Cây trồng Áp dụng Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Xoài hạt loại A cây 1 6.640.000 6.640.000 - Bông giấy loại B cây 1 100.000 100.000 - Chùm ruột loại A cây 1 133.000 133.000 III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường. IV/ Chính sách hỗ trợ: 1- Hỗ trợ ổn định đời sống: Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa 2- Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển: * Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV) 75.291.894 V/ Phần khen thưởng 10.529.189	m ²	4,45	138.970		100%	618.417			
				md	8,90	386.775		100%	3.442.298			
				m ³	1,424	2.210.809		100%	3.148.192			
				md	6,60	861.578		100%	5.686.415			
				m ²	2,64	138.970		100%	366.881			
				m ³	1,320	2.210.809		100%	2.918.268			
									1.062.000			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THANH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Đơn báo: 20/08/2022	Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chi chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	7.529.189			7.529.189		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng : (I+II+III+IV+V)							85.821.083	
			VI. Tái định cư								
			-Được xem xét giải quyết một lô giá thị trường theo CV 12782/UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hoà và CV 5027/STNMT ngày 24/11/2020 của sở TN & MT tỉnh Khánh Hoà.								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		duyet: ngày 25/3/2009 (Theo văn bản số 3732/UBND ngày 15/5/2019 của UBND Tp Nha Trang). - Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa và không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã. - Tổng diện tích đất đang sử dụng: 104,7m² - Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: Thửa 14 Bắc giáp: thửa 21 Tây giáp: Thửa 24 Nam giáp: đường đi - Loại đất: Đất công ích (Hiện trạng trên đất có nhà ở). *Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất: - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. - Những thay đổi về loại đất: Hộ gia đình tự chuyển đổi xây dựng nhà ở từ năm 2008. *Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. *Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 100m2 - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 104,7m² - Diện tích đất chênh lệch tăng: 4,7m² - Nguồn gốc tăng do: Do mua bán ảng chừng. *Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng, địa chỉ thửa đất theo giấy tờ thực tế là cùng một thửa đất. *Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Tờ chúc ngôn bất động sản (cho các con) của ông Lê Mười và bà Nguyễn Thị Bút cho các con là ông Lê Văn Hiếu, bà Lê Thị Hạnh và bà Lê Thị Hiền ngày 09/10/2003 (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). - Đơn xin xác nhận có nhà ở riêng ngày 08/6/2008 của ông Nguyễn Thái Việt (có xác nhận của UBND xã Vĩnh Ngọc) - Hợp đồng mua bán nhà đất ghi ngày 10/10/2010 của ông Nguyễn Thái Việt và bà Lê Thị Phương Linh sang nhượng cho ông Phạm Văn Cường, diện tích 100m2 (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). - Hợp đồng mua bán nhà đất ghi ngày 10/6/2013 của ông Phạm Văn Cường sang nhượng cho ông Phạm Xuân Khánh và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, diện tích 100m2 (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). - Số hộ khẩu số 330205474 do ông Phạm Xuân Khánh đứng tên chủ hộ được công an thành phố Nha Trang cấp	(Áp giá PL1, STT B42, ĐG: 368.625đ/m²) - Công trụ gạch, cánh thép hình: (3,0m x 2,2m) = 6,60m² (Áp giá PL1, STT B13, đơn giá: 3.155.839đ/m²) - Tường xây gạch bô trụ cao 1,4m, kết hợp khung thép hình cao 0,6m, móng 07 lớp đá chẻ, dài 9,0m + Tường xây gạch bô trụ cao 1,4m, kết hợp khung thép hình cao 0,6m, móng 02 lớp đá chẻ, dài 9,0m (Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md) + Móng xây đá chẻ (5 lớp) cao 1,0m, dài 9,0m. DT: (9,0m x 1,0m x 0,2m) = 1,800m³ (Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³) - Tường xây gạch, bô trụ cao 1,0m kết hợp khung thép hình cao 1,2m, móng 07 lớp đá chẻ, dài 5,48m - 3,0m + Tường xây gạch, bô trụ cao 1,0m kết hợp khung thép hình cao 1,2m, móng 02 lớp đá chẻ, dài 5,48m - 3,0m = 2,48m Áp giá PL1, STT B10, đơn giá 1.700.431đ/md. Đơn giá giam 8,5% tường xây gạch cao 1,0m. 1.700.431đ/md - (1.700.431đ/md x 8,5%) = 1.555.894đ/md + Móng xây đá chẻ (5 lớp) cao 1,0m, dài 2,48m. 2,48m x 1,0m x 0,2m = 0,496m³ (Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³) - Mái che cột kèo sắt, mái tole, nền lát gạch bát trắng (2,0m x 5,28m) = 10,56m² (Áp giá PL1, STT B4, ĐG: 1.078.134đ/m², cộng thêm 327.371đ/m² - 168.630đ/m² = 158.741đ/m² vì nền lát gạch bát trắng) 1.078.134đ/m² + 158.741đ/m² = 1.236.875đ/m²	m ²	6,60	3.155.839		100%	20.828.537			
				md	9,00	1.700.431		100%	15.303.879			
				m ³	1,800	2.210.809		100%	3.979.456			
				md	2,48	1.555.894		100%	3.858.618			
				m ³	0,496	2.210.809		100%	1.096.561			
				m ²	10,56	1.236.875		100%	13.061.400			
			2 - Tài sản khác: Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Đồng hồ điện: - Đồng hồ nước:	T/h	1	1.062.000	100%		1.062.000			
				T/h	1	Không bồi thường vì được lắp đặt tại nơi ở mới						
			3 - Cây trồng Không có							0		
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa							0		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:							0		

[illegible]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
03	Bà Lê Thị Kim Hồng	Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 716/XN-UBND ngày 26/6/2018, số 2129/XN-UBND ngày 13/10/2021 và số 1314/XN-UBND ngày 02/8/2022 của UBND xã Vĩnh Ngọc xác nhận:										
		Thửa số 24 mảnh trích đo địa chính số 37 - 2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 29/3/2021.										
		+ Nguồn gốc: Theo hồ sơ địa chính do UBND xã Vĩnh Ngọc quản lý: thuộc 01 thửa 227 tờ bản đồ số 6 (bản đồ 64) xã Vĩnh Ngọc thuộc quỹ đất 5% do xã Vĩnh Ngọc quản lý. Năm 2003, ông Lê Mười và bà Nguyễn Thị Bút lần chiếm đất 5%, do UBND xã Vĩnh Ngọc quản lý (theo Sổ địa chính ngày 11/6/2001, có xác nhận của Sở địa chính, hộ gia đình ông Lê Mười sinh năm 1924 và bà Nguyễn Thị Bút được cân đối cấp đất nông nghiệp đầy đủ theo nhân khẩu trong hộ gia đình, tổng cộng 08 thửa gồm thửa 577, 578, 678, 680, 681, 682, 721, 823 TBĐ 06, với diện tích 7.735m²										
		Cùng năm 2003, ông Lê Mười và bà Lê Thị Bút tự lập di chúc cho con là bà Lê Thị Hiền (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) Đất do ông Lê Mười và bà Nguyễn Thị Bút để lại cho con là bà Lê Thị Hiền từ năm 2003. Đến năm 2008 hộ bà Hiền chuyển nhượng 01 phần đất cho bà Lê Thị Kim Hồng quản lý, sử dụng xây dựng nhà ở ăn ở ổn định từ năm 2008 đến nay, với diện tích 110m² (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Đất hộ bà Lê Thị Kim Hồng đang quản lý và sử dụng thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Vĩnh Ngọc quản lý (thuộc 01 phần thửa 227 tờ bản đồ số 6 bản đồ 64 xã Vĩnh Ngọc).										
		+ Loại đất: Đất công ích (hiện trạng trên đất có nhà ở).										
		+ Thời điểm sử dụng đất: Năm 2008										
		+ Thời điểm xây dựng nhà: Năm 2008										
		+ Mốc thời điểm quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt: ngày 25/3/2009 (Theo văn bản số 3732/UBND ngày 15/5/2019 của UBND Tp Nha Trang).										
		+ Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa và không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã.										
		+ Tổng diện tích đất đang sử dụng: 114,8m²										
* Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.												
* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại tại thửa đất giải tỏa.												
* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về												
		I/ Về đất:								0		
		- Tổng diện tích (Thửa 24)	m²	114,80								
		+ DT đất giải tỏa:	m²	114,80								
		+ DT đất còn lại:	m²	0,00								
		** Căn cứ pháp lý áp dụng: - Khoản 2, Điều 82, Luật Đất Đai năm 2013 + Khoản 1, Điều 76, Luật Đất Đai năm 2013										
		- Diện tích đất không bồi thường:	m²	114,80	Không bồi thường vì thuộc quỹ đất công ích do xã Vĩnh Ngọc quản lý							
		II/ Tài sản gắn liền với đất:							356.500.721			
		1- Công trình, vật kiến trúc:							355.438.721			
		+ Ngày khóa sổ: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang);										
		+ Hỗ trợ theo:										
		+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;										
		+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/Ttg-QHQT ngày 22/6/2016;										
		+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.										
		+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ -UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;										
		- Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100, bô trụ, nền lát gạch, cửa sắt kính, trần nhựa, mái tole, tường sơn nước, có hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước (có một phần gác lửng gỗ không có lối đi lên cao 2,0m. DT: 2,3m x 5,0m = 11,5m². (Kèm sơ họa - kích thước của Trung tâm PTQD Khánh Hoà lập ngày 20/09/2022)	m²XD	82,30	3.942.028		100%		324.428.880			
		Diện tích: 114,8m² - (5m x 6,5m) = 82,3m² Diện tích giải tỏa = 82,3m²										
		Áp giá PL1, STT A5, ĐG: 3.266.890đ/m²XD. Đơn giá nhân hệ số 1,13 vì tường sơn nước, cộng thêm 250.442đ/m² vì nền gạch men. 3.266.890đ/m²XD x 1,13 + 250.442đ/m² = 3.942.028đ/m²XD										
		+ Ôp men bếp: (4,0m x 1,0m) + (4,0m x 0,6m) = 6,40m² (Áp giá PL2, STT A33, ĐG: 309.524đ/m²)	m²	6,40	309.524		100%		1.980.954			
		- Sân xi măng (có bê tông lót) DT: 5,0m x 6,5m = 32,5m² (Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²)	m²	32,50	168.630		100%		5.480.475			

[Signature]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 110m² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 114,8m² - Diện tích đất chênh lệch tăng: 4,8 m² - Nguồn gốc tăng do: Do mua bán ảng chừng. * Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Sổ hộ khẩu số 30858 do bà Lê Thị Kim Hồng đứng tên chủ hộ được công an thành phố Nha Trang cấp ngày 01/11/1997 (thường trú tại tổ 38 Trường Phúc, Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, gồm 07 nhân khẩu) - Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có chứng thực của cấp thẩm quyền) ghi ngày 10/5/2008 của ông Lê Thanh Quý và bà Lê Thu Hiền chuyển nhượng cho bà Lê Thị Kim Hồng, diện tích 110m². - Văn bản số 839/UBND ngày 21/6/2022 của UBND phường Vĩnh Phước về việc xác minh nhà, đất tại nơi đăng ký hộ khẩu của hộ bà Lê Thị Kim Hồng. - Biên bản làm việc ngày 20/7/2022 V/v xác định thời điểm ăn ở của bà Lê Thị Kim Hồng + Đơn xin xác nhận có nhà ở riêng có xác nhận ngày 10/6/2008. - Công văn số 1238/UBND ngày 21/7/2022 của UBND xã Vĩnh Ngọc V/v báo cáo kết quả xác minh tình trạng cư trú tại vị trí giải tỏa của bà Lê Thị Kim Hồng (đính kèm Sổ tạm trú số 330060810 do Công an xã Vĩnh Ngọc cấp ngày 13/10/2014 do bà Lê Thị Kim Hồng đứng tên chủ hộ) - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 08/6/2021 (Thửa đất tiếp giáp đường Hòn Nghê (đoạn từ Ngã ba đường QH1 đến Đá Chồng Hòn Nghê) - tương ứng vị trí 1 - Biên bản họp HDBT ngày 28/7/2022 (STT 03) - Thông báo niêm yết: 170/TB-HDBT ngày 05/08/2022 - Biên bản niêm yết: 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết: 28/8/2022 - Đối thoại: 26/08/2022	- Công trụ gạch, cánh thép tấm + thép hình (2,4m x 2,0m = 4,8m²) <i>(Áp giá PLI. STT B13, đơn giá: 3.155.839đ/m²)</i> - Tường xây gạch 100 cao 1,6m, dài 2,95m, móng 2 lớp đá chẻ <i>(Áp giá PLI. STT B9, ĐG: 861.578đ/md)</i> - Tường xây gạch bổ trụ cao 2,0m, dài 6,8m, móng 2 lớp đá chẻ. + Tường xây gạch bổ trụ cao 1,6m, dài 6,8m, móng 2 lớp đá chẻ. <i>(Áp giá PLI. STT B9, ĐG: 861.578đ/md)</i> + Xây tường gạch ống dày 10cm (cao <= 4m) cao 0,4m, dài 6,8m. DT: 0,4m x 6,8m = 2,72m² <i>(Áp giá PLII. STT A9, đơn giá: 138.970đ/m²)</i> 2 - Tài sản khác: <i>Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i> - Đồng hồ điện: - Đồng hồ nước: 3 - Cây trồng Không có III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: <i>Không bồi thường theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa</i> IV/ Chính sách hỗ trợ: 1- Hỗ trợ ổn định đời sống: 2- Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển: * Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV) V/ Phần khen thưởng <i>Căn cứ Điểm a, b Khoản 1, Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i> - Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	m² md md m² T/h T/h <							

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THANH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng : (I+II+III+IV+V)							367.500.721	
			VI. Tái định cư -Được xem xét giải quyết một lô giá thị trường theo CV 12782/UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hoà và CV 5027/STNMT ngày 24/11/2020 của sở TN & MT tỉnh Khánh Hoà.								

[illegible]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THANH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Sơ bộ khảo sát do bà Lê Thị Hiền đứng tên chủ hộ được công an xã Vĩnh Ngọc cấp ngày 28/3/2005 (thường trú tại Tổ 17 thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, Tp Nha Trang, gồm 05 nhân khẩu) - Tờ chúc ngôn bất động sản (có xác nhận của phó thôn Xuân Ngọc) ghi ngày 09/10/2003 của ông Lê Mười và bà Nguyễn Thị Bút cho bà Lê Thị Hiền, diện tích 1 sào 1/2. - Biên lai thu thuế nhà đất năm 2010 tên bà Lê Thị Hiền. - Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017 tên bà Lê Thị Hiền - Biên lai thanh toán tiền điện, tiền nước. - Thông báo niêm yết: 92/TB-HĐBT ngày 10/05/2022 - Biên bản niêm yết: 12/05/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết: 02/06/2022 - Đối thoại: 10/06/2022	- Nền xi măng có bê tông lót: (6,0m x 3,2m) + 9,97m ² = 29,17m ²	m ²	29,17	168.630		100%	4.918.937		
			(Áp giá PLI, STT B17, ĐG: 168.630đ/m ²)								
			- Cổng trụ gạch, cánh thép tấm + thép hình: (2,9m x 1,9m = 5,51m ²)	m ²	5,51	3.155.839		100%	17.388.673		
			(Áp giá PLI, STT B13, đơn giá: 3.155.839đ/m ²)								
			- Tường xây gạch cao 0,8m kết hợp lưới B40 cao 1,2m, móng 02 lớp đá chẻ, dài 3,1m	md	3,10	1.700.431		100%	5.271.336		
			(Áp giá PLI, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md)								
			- Bê chứa nước xây gạch (3,4m x 0,9m x 0,4m = 1,224m ³)	m ³	1,224	2.245.198		100%	2.748.122		
			(Áp giá PLI, STT B27, ĐG: 2.245.198đ/m ³)								
			- Chuồng trại tường xây gạch 100, kết hợp vách tole, lưới B40 (tường xây gạch cao 0,9, lưới B40 cao 1,5m), cột kèo gỗ, mái tole.	m ²	21,00	1.815.634		100%	38.128.314		
			DT. (7,5m x 2,8m) = 21,0m ²								
			(Áp giá PLI, STT C9, ĐG: 1.815.634đ/m ²)								
			2 - Tài sản khác:						1.062.000		
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;								
			- Đồng hồ điện:	T/h	1	1.062.000	100%		1.062.000		
			- Đồng hồ nước:	T/h	1	Không bồi thường vì được lắp đặt tại nơi ở mới					
			3 - Cây trồng								0
			Không có								
III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:								0			
Không bồi thường theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa											
IV/ Chính sách hỗ trợ:								0			
1- Hỗ trợ ổn định đời sống:		Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa									
2- Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển:											
* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV)								450.528.964			
V/ Phần khen thưởng								11.000.000			
Căn cứ Điểm a, b Khoản 1, Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;											
- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000				8.000.000				

Handwritten signature/initials

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THANH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng : (I+II+III+IV+V)							461.528.964	
			VI. Tái định cư								
			-Được xem xét giải quyết một lô giá thị trường theo CV 12782/UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hoà và CV 5027/STNMT ngày 24/11/2020 của sở TN & MT tỉnh Khánh Hoà.								

